

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06/6/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Ngô Quang Dũng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2024/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, do có kháng cáo của Bị đơn đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 201/2023/HNGĐ-ST, ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5595/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản của Tòa án và đại diện tham gia tố tụng tranh chấp quyền nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1993; địa chỉ: Số D Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: A KĐT T, đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P; sinh năm 1985; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm F, thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. nơi ở hiện nay: Nhà E, đường P, thành phố P, tỉnh Vladimirsk, Liên Bang N; vắng mặt, xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tranh chấp quyền nuôi con, nhận văn bản của Tòa án: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; có mặt.

4. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Ông Đoàn Văn H1 - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/9/2009. Sau khi kết hôn, chị và anh P chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Tháng 6/2017, anh P đi xuất khẩu lao động tại L Nga. Thời gian đầu, anh P thường xuyên liên lạc về cho chị và các con, vợ chồng chị vẫn vui vẻ, hạnh phúc. Từ năm 2021, anh P không còn liên lạc với chị nữa. Nguyên nhân theo chị được biết do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Cũng trong năm 2021 chị đi Đài Loan. Năm 2022, chị về Việt Nam. Sau khi về nước, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn K, xã N, huyện T sinh sống từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 16/12/2010 và Nguyễn Phú G, sinh ngày 31/01/2017, hiện đều đang ở cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú G và giao cháu H2 cho anh P nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh P ở Liên Bang N nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh P. Bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ anh P) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh P ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh P vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh P biết.

Quá trình làm việc với bà T1, anh P đã gọi điện có hình ảnh và trực tiếp trình bày với Tòa án như sau: Anh xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Năm 2017, anh đi xuất khẩu lao động tại Liên Bang N. Năm 2021, do dịch bệnh C nên anh không về Việt Nam thăm gia đình được. Sau đó, anh lại nghe thông tin chị H làm thủ tục đi Đài Loan. Anh không đồng ý và bảo chị H ở nhà chăm con nhưng chị H không nghe. Khi chị H ở Đài Loan, anh được biết chị H có quan hệ tình cảm với người khác, chị H cũng đã trực tiếp thú nhận với anh việc này. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh chỉ đồng ý ly hôn khi anh được nuôi cả hai con. Về con chung: Anh P xác định vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con là Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 2010 và Nguyễn Phú G, sinh năm 2017 và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay do anh đang ở nước ngoài không về Việt Nam để giải quyết vụ án được, anh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc cháu H2 và cháu G trong thời gian anh không có mặt ở Việt Nam. Về tài sản chung, nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 có quan điểm: Trong thời gian anh P không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của anh P về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim H2 và Nguyễn Phú G. Hàng tháng anh P sẽ gửi tiền về cho bà để nuôi các cháu nên bà không có đề nghị gì thêm.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, kết quả xác minh như sau: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào năm 2009. Quá trình chung sống giữa hai anh chị có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm được. Hiện nay anh P đang đi xuất khẩu lao động tại Liên bang N. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 201/2023/HNGĐ-ST, ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về các vấn đề sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phú G, sinh ngày 31/01/2017; giao cho anh Nguyễn Văn P được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 16/12/2010 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Thị Kim H2 cho bà Nguyễn Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian anh P không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 11/8/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn P có đơn kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại phần nuôi con theo hướng giao cả 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, tạm giao 02 con cho bà nội các cháu là Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh P về Việt Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị H vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị T1 có ý kiến: Giữ nguyên kháng cáo của anh Nguyễn Văn P yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giao cả hai con chung của anh P và chị H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian anh P chưa về Việt Nam thì giao cho mẹ anh P là bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bởi vì từ nhỏ đến nay cả hai cháu đều do ông bà nuôi dưỡng, cả khi anh P và chị H đi lao động ở nước ngoài, đến khi chị H về nước thì chị H cũng không đủ điều kiện nuôi con, ông bà ngoại của các cháu cũng không có đủ điều kiện hỗ trợ chị H nuôi con. Hiện nay, cháu Phú G cũng trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với bà, chị và bố. Hai chị em cháu ở với nhau từ bé gắn bó, nay tách nhau ra sẽ không tốt cho các cháu. Các cháu ở với ông bà được chăm sóc tốt về sức khỏe, được học tập đầy đủ. Cháu Phú G vừa học xong lớp 1 được tặng giấy khen. Anh P hàng tháng vẫn gửi tiền về cho bà để bà nuôi các con anh P. Tại phiên tòa bà T1 cung cấp căn cứ chuyển tiền của anh P.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Bị đơn có ý kiến: Cháu Phú G đã 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố, chị và bà nội. Hai cháu ở với nhau từ nhỏ không có bố mẹ bên cạnh, nay chia tách hai cháu không tốt cho các cháu. Hai cháu được ông bà nội chăm sóc tốt, được đi học đầy đủ. Bố các cháu thường xuyên gửi tiền về nuôi các cháu. Mẹ các cháu hiện nay không biết chỗ ở, công việc, thu nhập thế nào. Do vậy, để các cháu được ổn định, phát triển bình thường, được nuôi dưỡng tốt nhất, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

kháng cáo của anh P, giao cả hai cháu cho anh P nuôi dưỡng. Trong khi anh P không ở nhà thì giao cho bà nội các cháu nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy chị H không cung cấp tài liệu, chứng cứ về điều kiện nuôi con. Các cháu đang ở với ông bà ổn định. Bố các cháu gửi tiền về nuôi các cháu và cháu Phú G có nguyện vọng được ở cùng bà, chị và bố. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, giao cả hai con cho anh P nuôi dưỡng, trong khi anh P không ở nhà thì giao các cháu cho ông bà nội các cháu tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn P đảm bảo thời hạn, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn P yêu cầu giao cả 02 con chung cho anh P nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, tạm giao 02 con cho bà nội các cháu là bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh P về Việt Nam. Hội đồng xét xử thấy:

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 69, Điều 71, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ. Cha mẹ thỏa thuận người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

[4] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 16/12/2010 và cháu Nguyễn Phú G, sinh ngày 31/01/2017, hiện các cháu đều đang ở cùng bà nội là bà Nguyễn Thị T1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không đồng ý kháng cáo của anh P, chị cho rằng chị có đủ điều kiện để nuôi con Nguyễn Phú G; anh P hiện nay vẫn đang sinh sống, làm việc tại nước Nga, chưa biết bao giờ quay về Việt Nam; cháu G còn nhỏ không thể thiếu tình thương của cả cha và mẹ, nên chị H xin nuôi cháu

G và đề nghị giao cháu H2 cho anh P nuôi dưỡng. Anh P có quan điểm xin được nuôi cả hai con, trong thời gian anh chưa về Việt Nam thì đề nghị giao cho mẹ anh là bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Bà T1 tha thiết được nuôi các cháu vì từ bé đến nay các cháu đều ở với bà và bố mẹ các cháu do điều kiện chưa thể nuôi được các cháu.

[5] Xét về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị H đang ở Việt Nam, chị H trình bày có đi làm tại công ty, thu nhập khoảng 6.000.000đ một tháng, nhưng không cung cấp tài liệu để chứng minh về chỗ ở, công việc và thu nhập. Chị H không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa phúc thẩm chị H được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng đều không đến phiên tòa để chứng minh điều kiện nuôi con. Người đại diện theo ủy quyền của chị H cũng không đến phiên tòa. Do vậy, không có căn cứ để xác định chị H có đủ điều kiện nuôi con. Còn anh P hiện nay đang sinh sống, lao động tại nước Nga, hiện tại chưa đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con.

[6] Điều 104 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.”

[7] Xét thấy, như phân tích ở trên thì cả bố và mẹ các cháu chưa đảm bảo điều kiện trực tiếp nuôi con, chị của cháu Phú G cũng chưa đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 trình bày từ bé đến nay các cháu đều do bà nuôi dưỡng và vì tương lai các cháu, vì điều kiện bố, mẹ các cháu chưa đảm bảo trực tiếp nuôi con nên bà có nguyện vọng tha thiết được giao cho nuôi các cháu và bà cung cấp giấy khen của cháu Phú G vừa học xong lớp 1, tài liệu về việc anh P chuyển tiền cho bà T1 nuôi con anh. Khi xét xử sơ thẩm cháu Phú G chưa đủ 7 tuổi nên chưa được hỏi ý kiến. Khi xét xử phúc thẩm cháu Phú G đủ 7 tuổi nên được Tòa án cấp phúc thẩm hỏi ý kiến thì cháu có nguyện vọng được ở với bố, bà và chị. Thực tế từ nhỏ đến nay các cháu ở với ông bà nội, được ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học đầy đủ. Do vậy, xét thấy cần giữ sự ổn định cuộc sống cho các cháu, để các cháu có điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất, để không phải tách hai chị em các cháu thì cần chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn P, sửa bản án sơ thẩm tiếp tục giao cháu H2 và cháu Phú G cho anh P nuôi dưỡng, trong thời gian anh P không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu H2 và cháu Phú G cho bà Nguyễn Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P về Việt Nam.

[8] Trường hợp chị Nguyễn Thị H có điều kiện nuôi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[9] Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[10] Từ nhận định nêu trên, xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

[11] Về án phí: Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 81, 82, 83, 104 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Văn P; Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 201/2023/HNGĐ-ST, ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, cụ thể :

1.1. Về nuôi con chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn P được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 16/12/2010 và cháu Nguyễn Phú G, sinh ngày 31/01/2017, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, trong thời gian anh P không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Thị Kim H2, sinh ngày 16/12/2010 và cháu Nguyễn Phú G, sinh ngày 31/01/2017 cho bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.2. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002434 ngày 11/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Thanh Ngô Quang D

Nguyễn Ngọc H3

